

Trục đai răng
ELGC-TB-KF-45-300
Số bộ phận: 8062769

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Đường kính hiệu quả của bánh răng truyền động	19.1 mm
Hành trình làm việc	300 mm
Kích thước	45
Dự trữ hành trình	0 mm
Bước đai răng	2 mm
Vị trí lắp đặt	bất kì
Dẫn hướng	Thanh dẫn hướng cầu tuần hoàn
Cấu trúc xây dựng	Trục tuyến tính cơ điện với dây đai răng
Loại động cơ	Động cơ bước Động cơ servo
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gần cho cảm biến cảm ứng
Tăng tốc tối đa	15 m/s ²
Tốc độ tối đa	1.2 m/s
Độ chính xác lặp lại	±0,1 mm
Thời gian bật	100%
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Sản phẩm tương ứng với định nghĩa sản phẩm nội bộ của Festo để sử dụng trong sản xuất pin: Các kim loại có hơn 1% trọng lượng là đồng, kẽm hoặc niken không được sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bo mạch, cáp, bộ kết nối và cuộn dây.
Loại phòng sạch	Loại 7 theo ISO 14644-1
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...60 °C
Mức độ bảo vệ	IP40
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...50 °C
Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối	0.13 mJ
Lưu ý về năng lượng va chạm ở vị trí cuối	Ở tốc độ di chuyển tham chiếu tối đa là 0,01 m/s
Khoảng khắc của diện tích ly bậc 2	140000 mm ⁴
Khoảng khắc của khu vực Iz độ 2	170000 mm ⁴
Mô-men truyền động cực đại	0.716 N m
Lực tối đa Fy	880 N

Đặc tính	Giá trị
Lực tối đa Fz	880 N
Lực tối đa Fy trục tổng thể	300 N
Lực tối đa Fz trục tổng thể	600 N
Fy với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	3240 N
Fz với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	3240 N
Khả năng chống dịch chuyển không tải tối đa	7.8 N
Thời điểm tối đa Mx	5.5 N m
Max. Moment My	4.7 N m
Mô-men tối đa Mz	4.7 N m
Mô men tối đa Mx trục tổng thể	5.5 N m
Mô men tối đa My trục tổng thể	4.7 N m
Mô men tối đa Mz trục tổng thể	4.7 N m
Mx với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	20 N m
Của tôi với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	17 N m
Mz với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	17 N m
Khoảng cách của bề mặt trượt đến tâm dẫn hướng	42.8 mm
Lực nạp tối đa Fx	75 N
mô-men xoắn truyền động không tải	0.075 N m
Mômen quán tính xoắn Nó	8500 mm ⁴
Mô-men quán tính khối lượng JH trên mỗi mét hành trình	0.0281 kgcm ²
Mômen quán tính khối lượng JL trên kg trọng tải	0.9119 kgcm ²
Mô men quán tính khối lượng JO	0.1862 kgcm ²
Nạp liệu không đổi	60 mm/vòng
Tuổi thọ tham khảo	5000 km
Khoảng thời gian bảo trì	bôi trơn suốt đời
Khối lượng di chuyển	169 g
Trọng lượng ổ trượt	55 g
trọng lượng sản phẩm	1448 g
Trọng lượng cơ bản ở hành trình 0 mm	760 g
Trọng lượng bổ sung cho mỗi hành trình 10 mm	23 g
Độ võng động (Tải trọng di chuyển)	0,05% chiều dài của trục, tối đa 0,5 mm
Độ võng tĩnh (tải ở trạng thái dừng)	0,1% chiều dài của trục
Bộ truyền động mã giao diện	V32
Vật liệu nắp cuối	Nhôm đúc áp lực, sơn
Hồ sơ vật liệu	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Chất liệu của băng che	thép cao cấp không gỉ
Vật liệu nắp truyền động	Nhôm đúc áp lực, sơn
Vật liệu thanh dẫn hướng ổ trượt	Thép
Vật liệu ray dẫn hướng	Thép
Ròng rọc vật liệu	thép hợp kim cao không gỉ
Vật liệu các ổ trượt	Nhôm đúc áp lực
Vật liệu đai răng	Cao su Polychloroprene hoặc nitrile (NBR) có dây thủy tinh và vỏ nylon